

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ PLEIKU
TỈNH GIA LAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 70/2024/DS-ST
Ngày 09-07-2024
V/v tranh chấp hợp đồng
tín dụng

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ PLEIKU, TỈNH GIA LAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phan Công Tồn

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Tô Thị Lành

Ông Huỳnh Thế Dũng

- Thư ký phiên tòa: Ông Phan Quang Ân - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai tham gia phiên tòa:

Bà Trần Thị Thắng Trinh - Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 7 năm 2024 tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 407/2023/TLST - DS ngày 13 tháng 11 năm 2023 về “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 88/2024/QĐXXST - DS ngày 22 tháng 5 năm 2024; Quyết định hoãn phiên tòa số 85/2024/QĐST - DS ngày 12 tháng 6 năm 2024 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng Thương mại cổ phần S1 ; địa chỉ: Số B đường N, phường V, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh. Đại diện theo pháp luật: Bà Nguyễn Đức Thạch D, chức vụ: Tổng Giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Trần Hoàng N, chức vụ: Quyền Giám đốc S1 - Chi nhánh G; địa chỉ: Số C đường N, phường D, thành phố P, tỉnh Gia Lai.

Người đại diện theo ủy quyền của ông Trần Hoàng N: Bà Võ Thị L, chức vụ: Chuyên viên quản lý nợ của Ngân hàng Thương mại cổ phần S1 - Chi nhánh G; Số C đường N, phường D, thành phố P, tỉnh Gia Lai. Có mặt.

(*Quyết định ủy quyền số 3270/2022/QĐ- PL ngày 26-12-2022 của của Ngân hàng Thương mại cổ phần S1; Giấy ủy quyền số 196/GUQ- CNGL ngày 26-06-2023 của Ngân hàng Thương mại cổ phần S1 - Chi nhánh G*).

Bị đơn: Ông Hà Thúc S, sinh năm 1971; địa chỉ: Số C đường P, phường Y, thành phố P, tỉnh Gia Lai. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Trong đơn khởi kiện ngày 01 tháng 11 năm 2023, nguyên đơn là Ngân hàng Thương mại cổ phần S1 và trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn là bà Võ Thị L đều trình bày:

Ngày 11-02-2020, ông Hà Thúc S được Ngân hàng Thương mại cổ phần S1 cấp thẻ tín dụng với hạn mức sử dụng thẻ 100.000.000 đồng (một trăm triệu đồng), với mục đích tiêu dùng cá nhân. Sau khi được cấp thẻ tín dụng, ông Hà Thúc S đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền bao gồm cả phí, lãi phát sinh là 582.466.007 đồng. Trong quá trình sử dụng thẻ, từ ngày kích hoạt thẻ đến nay ông Hà Thúc S đã thanh toán cho Ngân hàng S1 số tiền 399.509.008 đồng (thứ tự thanh toán căn cứ theo Điều 21 của Bản Điều khoản và điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng). Qua nhiều lần làm việc, nhắc nhở nhưng ông Hà Thúc S vẫn không có thiện chí trả nợ, vi phạm nghĩa vụ thanh toán theo Điều 24 của Bản Điều khoản và điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng, nên ngày 16-11-2021 đã chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu chưa thanh toán sang nợ quá hạn.

Mặc dù, Ngân hàng S1 thường xuyên đôn đốc, nhiều lần làm việc trực tiếp với ông Hà Thúc S yêu cầu ông có trách nhiệm thanh toán ngay khoản nợ quá hạn cũng như S1 cũng tạo điều kiện về thời gian để ông Hà Thúc S trả nợ. Tuy nhiên, ông Hà Thúc S vẫn chưa thanh toán khoản nợ vay quá hạn, vi phạm các điều khoản đã quy định tại Hợp đồng đã ký với S1.

Vì vậy, Ngân hàng Thương mại cổ phần S1 khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết, buộc ông Hà Thúc S phải trả cho Ngân hàng Thương mại cổ phần S1 số tiền Tạm tính đến ngày 09-07-2024 là: 236.268.212 đồng; trong đó: Nợ gốc 109.423.959 đồng, lãi quá hạn 126.844.253 đồng và lãi phát sinh cho đến khi thanh toán xong nợ vay theo lãi suất quy định tại Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng số 1417062, ngày hợp đồng 11-02-2020 và các điều khoản, điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng.

Bị đơn ông Hà Thúc S đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng về việc giải quyết vụ án để bị đơn thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình, nhưng đều không đến Tòa án. Qua xác minh địa chỉ của bị đơn do nguyên đơn cung cấp tại tổ F phường Y thành phố P, tỉnh Gia Lai, cung cấp thông tin ông Hà Thúc S, sinh năm 1971 có đăng ký thường trú và nơi cư trú tại số nhà C đường P, tổ F phường Y thành phố P, tỉnh Gia Lai và hiện nay vẫn đang sinh sống tại địa chỉ này và chưa chuyển đi nơi nào khác. Tòa án tiến hành niêm yết công khai các văn bản tố tụng cho bị đơn theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, nhưng ông Hà Thúc S vẫn không đến Tòa án nên không có bản khai, lời khai trình bày tại hồ sơ vụ án.

2. Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng và đề nghị Hội đồng xét xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn **Ngân hàng Thương mại cổ phần S1**: Buộc ông **Hà Thúc S** phải trả cho **Ngân hàng Thương mại cổ phần S1** số tiền tạm tính đến ngày 09-07-2024 là : 236.268.212 đồng; trong đó: Nợ gốc 109.423.959 đồng, lãi quá hạn 126.844.253 đồng và lãi phát sinh cho đến khi thanh toán xong nợ vay theo lãi suất quy định tại Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng số 1417062, ngày hợp đồng 11-02-2020 và các điều khoản, điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng.

Án phí dân sự sơ thẩm: Yêu cầu của nguyên đơn được Tòa án chấp nhận nên bị đơn ông **Hà Thúc S** phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn **Ngân hàng Thương mại cổ phần S1** khởi kiện ông **Hà Thúc S** có nơi cư trú tại **phường Y, Thành phố P, tỉnh Gia Lai** phải thanh toán tiền nợ theo Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng số 1417062, ngày 11-02-2020 và các điều khoản, điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng **S2**, do đó xác định quan hệ pháp luật “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai theo quy định tại khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về việc xét xử vắng mặt đương sự: Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay, bị đơn ông **Hà Thúc S** không có yêu cầu phản tố, đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai, không có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Do đó, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Tại phiên tòa Bị đơn vắng mặt nên các đương sự không thỏa thuận được về việc giải quyết vụ án, nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện. Vì vậy, theo chứng cứ nguyên đơn cung cấp là Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng số 1417062, ngày hợp đồng 11-02-2020, thể hiện ông **Hà Thúc S** có ký kết với **Ngân hàng Thương mại cổ phần S1** cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng tín dụng; Điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng cá nhân với hạn mức sử dụng thẻ là 100.000.000 đồng với mục đích tiêu dùng cá nhân, lãi suất thỏa thuận theo biểu phí sản phẩm dịch vụ thẻ tín dụng **S2** là 2,4%-2,6%/tháng. Trong quá trình sử dụng thẻ, kể từ ngày kích hoạt thẻ đến nay ông **Hà Thúc S** đã thanh toán cho **Ngân hàng S1** số tiền 399.509.008 đồng (thứ tự thanh toán căn cứ theo Điều 21 của Bản Điều khoản và điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng). Sau đó, qua nhiều lần làm việc, nhắc nhở nhưng ông **Hà Thúc**

S vẫn không có thiện chí trả nợ, vi phạm nghĩa vụ thanh toán theo Điều 24 của bản Điều khoản và điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng.

[4] Việc ký kết Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng, hạn mức sử dụng thẻ là 100.000.000 đồng với mục đích tiêu dùng cá nhân, giữa nguyên đơn và bị đơn ông **Hà Thúc S** là hình thức giao dịch trên cơ sở tự nguyện. Quá trình thực hiện hợp đồng, chủ thẻ ông **Hà Thúc S** đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán theo cam kết tại Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng và bản Điều khoản và điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng, làm ảnh hưởng đến quyền, lợi ích hợp pháp của nguyên đơn. Xét thấy, giao dịch giữa nguyên đơn và bị đơn là hợp pháp nên phát sinh hiệu lực pháp luật. Do đó, Hội đồng xét xử nhận thấy có cơ sở chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn **Ngân hàng Thương mại cổ phần S1**, buộc bị đơn ông **Hà Thúc S** phải thanh toán cho nguyên đơn số tiền còn nợ tạm tính đến ngày 09-07-2024 là : 236.268.212 đồng; trong đó: Nợ gốc 109.423.959 đồng, lãi quá hạn 126.844.253 đồng.

[5] Đối với yêu cầu tính lãi suất quá hạn của **Ngân hàng Thương mại cổ phần S1**, thì thấy cách tính lãi, phí chậm thanh toán của các bên theo Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng số 1417062, ngày hợp đồng 11-02-2020; bản Điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng cá nhân của Ngân hàng phù hợp với quy định của pháp luật và quy định tại khoản 2 Điều 91; khoản 2 Điều 95 của Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Các tổ chức tín dụng năm 2017 nên được chấp nhận.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm: Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được Tòa án chấp nhận nên bị đơn ông **Hà Thúc S** phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch theo quy định. Nguyên đơn không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, hoàn trả cho nguyên đơn số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 147; khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228; Điều 271; khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

- Áp dụng các Điều 345, 351, 357, 463 và Điều 466 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Các Điều 91, Điều 95 của Luật Các tổ chức tín dụng;

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của **Ngân hàng Thương mại cổ phần S1**.

1. Buộc ông **Hà Thúc S** phải trả cho **Ngân hàng Thương mại cổ phần S1**, số tiền tính đến ngày 09-07-2024 theo Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng số 1417062, ngày hợp đồng 11-02-2020 và bản Điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng là: **236.268.212 đồng** (*hai trăm ba mươi sáu triệu, hai trăm sáu mươi tám nghìn, hai trăm mười hai đồng*); trong đó: Nợ gốc 109.423.959 đồng (*một trăm lẻ chín triệu, bốn trăm hai mươi ba nghìn, chín trăm năm mươi chín đồng*) lãi quá hạn 126.844.253 đồng (*một trăm hai mươi sáu triệu, tám trăm bốn mươi bốn nghìn, hai trăm năm mươi ba đồng*).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm, ông **Hà Thúc S** còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi đối với khoản tiền nợ gốc cho đến khi thanh toán hết nợ theo mức lãi suất các bên đã thỏa thuận tại Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng số 1417062, ngày hợp đồng 11-02-2020 và bản Điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của **Ngân hàng Thương mại cổ phần S1**.

Trường hợp, hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo Quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

2. Về án phí:

- **Ngân hàng Thương mại cổ phần S1** không phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả lại cho **Ngân hàng Thương mại cổ phần S1** số tiền tạm ứng án phí đã nộp 4.573.925 đồng theo biên lai số 0001666 ngày 13 tháng 11 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai.

- Buộc ông **Hà Thúc S** phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm 11.813.411 đồng (*mười một triệu, tám trăm mười ba nghìn, bốn trăm mười một đồng*) sung công quỹ Nhà nước.

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, các đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền làm đơn kháng cáo để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai xét xử phúc thẩm. Riêng các đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự và Luật sửa đổi, bổ sung một số Điều của Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Viện kiểm sát nhân dân thành phố Pleiku;
- Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai;
- Thi hành án dân sự thành phố Pleiku;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(đã ký)

Phan Công Tôn

